

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 85/2017/DS-ST

Ngày: 01/8/2017

V/v Tranh chấp: “Di sản thừa kế”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO – TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Võ Thị Ngọc Hoa**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông **Từ Ngọc Viễn**

+ Bà **Nguyễn Thị Hơ**

Thư ký phiên tòa Ông Phạm Nhật Minh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho- Tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Thúy-kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2017, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 11/2017/TLST-DS ngày 16/01/2017 về vụ án tranh chấp “Di sản thừa kế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2017/QĐXX- ST ngày 10/7/2017 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn* 1. **Nguyễn Hoàng H1**, sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Tổ 7, khu 3, ấp C, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. **Nguyễn Thị Phương T**, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: 307A ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. **Nguyễn Thị Thảo Q**, sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 244, Lô B, Chung cư Ấn Quang, phường C, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh.

4. **Nguyễn Quang T1**, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: 988, ấp B 1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, chị T, chị Q, ông T1: Anh **Đỗ Văn C**, sinh năm: 1984 (có mặt).

Địa chỉ: 28 ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 817 quyền số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/01/2017 và giấy ủy quyền số 0773 quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/02/2017).

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q, ông Nguyễn Quang T1 là luật sư *Dương Thị Kim L* –Văn phòng luật sư Kim L – Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2/ *Bị đơn:* **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1956 (có mặt).

Địa chỉ: 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H là ông *Phạm Văn K* – Tư vấn viên của T1 tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Nguyễn Văn L**, sinh năm: 1949 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Me, thị trấn T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

2. **Nguyễn Văn H2**, sinh năm: 1966.

Địa chỉ: Số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. **Nguyễn Thành T2**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Chung cư M, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. **Nguyễn H H3**, sinh năm: 1980.

5. **Nguyễn H T3**, sinh năm: 1982.

Cùng địa chỉ: Số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, anh H3, anh T3: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 1354 quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/01/2017).

6. **Lê Thị C**, sinh năm: 1957 (có mặt).

7. **Nguyễn Phan Hoàng O**, sinh năm 2009.

8. **Nguyễn Phan Ngọc Tr**, sinh năm 2013.

Cùng địa chỉ: Số nhà 56 đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người giám hộ hợp pháp cho cháu O, cháu Tr là anh Nguyễn H T3 là cha ruột (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 56 đường G phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

9. **Phan Thị Tuyết N**, sinh năm: 1987.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền số 3361 quyền số 05/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/5/2017).

10. **Nguyễn Ngọc L1**, sinh năm: 1949 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 307A ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại các biên bản hòa giải anh Đỗ Văn C đại diện cho anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q, ông Nguyễn Quang T1 trình bày:

Cụ Lê Văn Th mất 1995, cụ Nguyễn Thị H5 mất năm 1996 có 06 người con gồm: 1. Nguyễn Văn H4, mất năm 1974, ông H4 có 3 người con là Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Thảo Q và vợ là bà Nguyễn Ngọc L1; 2. Nguyễn Thành T2; 3. Nguyễn Văn L; 4. Nguyễn Văn H2; 5. Nguyễn Quang T1; 6. Nguyễn Văn H.

Cụ Th và cụ H5 mất không để lại di chúc, hai cụ để lại di sản là một phần đất diện tích 54,7m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 3. Trên đất có một căn nhà kiên cố tọa lạc tại số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Hiện nay do ông Nguyễn Văn H đang quản lý sử dụng toàn bộ nhà đất được UBND TP M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00694 ngày 01/7/2014 cho ông Nguyễn Văn H là người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Nay anh H1, chị T, chị Q, ông T1 yêu cầu chia phần di sản của cụ Th và cụ H5 để lại nhà, đất làm 06 kỷ phần. Ông Nguyễn Quang T1 xin nhận một kỷ phần xin nhận bằng giá trị. Anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q xin nhận một kỷ phần của ông Nguyễn Văn H4, nhận bằng giá trị.

Theo bản tự khai và tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn H trình bày:

Cha là cụ Lê Văn Th mất năm 1995, mẹ bà Nguyễn Thị H5 mất năm 1996 không có để lại di chúc; có 06 người con gồm: 1. Nguyễn Văn H4, mất năm 1974, ông H4 có 3 người con Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Thảo Q và vợ là bà Nguyễn Ngọc L1; 2. Nguyễn Thành T2; 3. Nguyễn Văn L; 4. Nguyễn Văn H2; 5. Nguyễn Quang T1; 6. Nguyễn Văn H.

Khi sinh thời, cụ Th và cụ H5 có tạo lập được một phần đất diện tích 54,1m² thuộc thửa đất số 406, tờ bản đồ số 3. Trên đất có một căn nhà kiên cố tọa lạc tại số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Nhà và đất lúc đầu do ông H và ông H2 cùng quản lý sử dụng. Sau đó các anh em ngồi lại phân chia là ông H ở phía trước, ông H2 ở phía sau. Ông H2 ở được một thời gian ông H2 cần tiền để làm vốn nên vợ chồng ông H có đưa cho ông H2 là 05 cây vàng 24k (tương đương 60.000.000 đồng). Từ năm 2008 vợ chồng ông H quản lý sử dụng toàn bộ nhà, đất. Đến năm 2014 được UBND TP M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông H đứng tên là người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Trong quá trình quản lý sử dụng nhà của cha mẹ để lại nhà đã hư, vợ chồng ông H đã sửa chữa lại toàn bộ, khi sửa chữa nhà ông H có hỏi các anh em, thì các anh em thống nhất cho vợ chồng ông H sửa nhà. Vợ chồng ông H sửa chữa nhà nhiều lần khoảng 200.000.000 đồng, do sửa nhà lâu quá nên hóa đơn thất lạc không còn.

Nay qua yêu cầu của chị T, anh H1, chị Q, ông T1 ông đồng ý chia phần đất thành 06 kỷ phần theo giá Nhà nước. Còn căn nhà ông H đồng ý chia làm 06 phần, ông yêu cầu trừ lại số tiền ông đã chi ra để sửa chữa nhà 200.000.000 đồng.

Theo bản tự khai và tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn H2 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn H, sau khi cha mẹ mất thì anh em thống nhất ông H2 và ông H quản lý sử dụng nhà, đất cha mẹ để lại, H2 sau đó cần tiền để làm vốn nên ông H2 nói với vợ chồng ông H, ông H2 không ở đó nữa, vợ chồng ông H có đưa cho ông H2 là 05 cây vàng 24k (tương đương 60.000.000 đồng), trong thời gian ông H ở nhà cha mẹ để lại đã hư vợ chồng ông H bỏ tiền ra sửa chữa nhà lại toàn bộ để thờ cúng cha mẹ từ đó đến nay.

Nay qua yêu cầu của các đồng nguyên đơn, ông đồng ý chia phần đất thành 06 kỷ phần, ông H2 đã nhận của ông H 05 lượng vàng 24k, ông không có ý kiến gì. Còn căn

nhà là của ông H sửa chữa lại toàn bộ không chia, nếu chia thì trừ tiền sửa chữa nhà của ông H, còn lại bao nhiêu thì chia.

Theo bản tự khai và tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn H - đại diện của bà Nguyễn Thành T2 trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông H cha Lê Văn Th, mẹ Nguyễn Thị H5 thời gian mất và có 06 người con. Cha mẹ qua đời không để di chúc, cha mẹ có để lại di sản nhà, đất diện tích đất 54,1m², từ khi cha mẹ mất ông H là người quản lý sử dụng nhà, đất để thờ cúng cha mẹ.

Nay qua yêu cầu của các đồng nguyên đơn, bà đồng ý chia phần đất thành 06 kỷ phần, bà xin nhận kỷ phần của bà, bà cho lại ông H. Còn căn nhà ông H đã sửa chữa toàn bộ nên không đồng ý chia mà để cho ông H quản lý sử dụng thờ cúng cha mẹ.

Theo bản tự khai và tại các biên bản hòa giải ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của ông H cha Lê Văn Th, mẹ Nguyễn Thị H5 thời gian mất và có 06 người con. Cha mẹ qua đời không để di chúc, cha mẹ có để lại di sản nhà, đất diện tích đất 54,1m², từ khi cha mẹ mất anh em thống nhất giao ông H là người quản lý sử dụng nhà đất để thờ cúng cha mẹ, trong quá trình sử dụng căn nhà cha mẹ để lại đã hư nên anh em thống nhất cho ông H sửa chữa lại toàn bộ căn nhà.

Nay qua yêu cầu của các đồng nguyên đơn, ông đồng ý chia phần đất thành 06 kỷ phần, ông xin nhận kỷ phần của ông, ông cho lại ông H. Còn căn nhà không chia để cho ông H quản lý sử dụng thờ cúng cha mẹ.

Theo bản tự khai và tại các biên bản hòa giải bà Lê Thị C trình bày:

Bà là vợ của ông H, bà về sống chung với cụ Th và cụ H5 vào năm 1979 vợ chồng bà sống tại căn nhà này và chăm sóc cho hai cụ đến khi hai cụ mất, vợ chồng bà tiếp tục sống cho đến nay, nhà của cha mẹ chồng để lại đã hư, vợ chồng bà có sửa chữa toàn bộ nhà. Lúc cha mẹ mới mất ông H2 ở chung nhà ông H2 ở phía sau, ông H2 ở một thời gian cần tiền làm ăn nên vợ chồng bà có đưa cho ông H2 05 cây vàng 24k (tương đương 60.000.000 đồng) có làm giấy tay sang nhượng đất.

Qua yêu cầu của các đồng nguyên đơn, bà không có ý kiến do ông H quyết định phần đất, còn căn nhà thì bà xin để lại thờ cúng cha mẹ chồng, số vàng vợ chồng bà đưa cho ông H2 tính vào kỷ phần của ông H2, còn lại bà không yêu cầu ông H2 hoàn trả.

Theo bản tự khai của anh Nguyễn Hiền H3, anh Nguyễn Hiền T3 trình bày:

Chúng tôi là con của ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị C, chúng tôi sống từ nhỏ đến nay tại căn nhà số 56, khu phố 6, đường G, phường B, TP M-Tiền Giang là di sản của ông bà nội để lại, căn nhà cha mẹ chúng tôi bỏ tiền ra sửa chữa toàn bộ. Nay bác T1, các anh chị em con bác H4 tranh chấp chúng tôi không có ý kiến, tùy cho ông H quyết định.

Theo bản tự khai của chị Phan Thị Tuyết N trình bày:

Chị là dâu của ông H, bà C chị sống tại căn nhà số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang là di sản của ông bà nội chồng để lại. Nay bác T1, các anh chị em con bác H4 tranh chấp chị không có ý kiến gì.

Theo bản tự khai của bà Nguyễn Ngọc L1 trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn H4 bà với ông H4 có 03 người con Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị Phương T, Nguyễn Thị Thảo Q, khi bà và ông H4 chung sống

thì sống tại căn nhà của cụ Th, cụ H5, sau khi ông H4 mất thì bà về bên gia đình bà sống từ đó đến nay. Nay ông T1 và các con bà yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Th, cụ 5 bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng qui định của pháp luật như tiến hành xác minh mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án Cụ Th mất năm 1995, cụ 5 mất năm 1996 có 06 người con: 1/ Nguyễn Nguyễn Văn H4 mất năm 1974 có vợ là bà Nguyễn Ngọc L1, 03 con Nguyễn Hoàng H1, Nguyễn Thị Phương T. Nguyễn Thị Thảo Q; 2/ Nguyễn Văn H2, 3/ Nguyễn Văn L, 4/ Nguyễn Thành T2, 5/ Nguyễn Quang T1, 6/ Nguyễn Văn H, hai cụ mất không để lại di chúc, có để lại di sản phần đất diện tích 54,1m² trên đất có căn nhà kiến cổ, ông H đang quản lý sử dụng, vợ chồng ông H có sửa chữa lại toàn bộ căn nhà. Ông H, ông H2, ông L, ông T1, bà T2, ông H1, chị T, chị Q thống nhất chia phần đất diện tích đất 54,1m² làm 06 kỷ phần và thống nhất giá trị phần đất 660.000.000 đồng, chia mỗi kỷ phần là 110.000.000 đồng. Riêng căn nhà ông H đã bỏ tiền ra sửa chữa ông H2, ông L, ông T1, bà T2, anh H1, chị T, chị Q thống nhất không chia căn nhà mà đồng ý giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng sở hữu thờ cúng cụ Th, cụ H5, tại phiên tòa các đồng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện phần yêu cầu chia căn nhà, đề nghị đình chỉ phần các đồng nguyên đơn rút yêu cầu. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q, ông Nguyễn Quang T1 phân tích thời gian cụ Th, cụ H5 mất, không để lại di chúc, có để lại di sản phần đất 54,1m² và căn nhà tọa lạc 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, ông H đang quản lý sử dụng. Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật làm 06 kỷ phần, ông H, ông H2, ông L, bà T2 đồng ý. Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia căn nhà vì căn nhà vợ chồng ông H đã sửa chữa lại toàn bộ. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự chia phần đất diện tích 54,1m² làm 06 kỷ phần giá trị phần đất 660.000.000 đồng, mỗi kỷ phần 110.000.000 đồng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia căn nhà. Lời trình bày của người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho ông T1, anh H1, chị T, chị Q phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn H phân tích thời gian cụ Th, cụ H5 mất, không để lại di chúc, có để lại di sản phần đất 54,1m² và căn nhà tọa lạc 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, ông H đang quản lý sử dụng. Riêng căn nhà của cụ Th, cụ 5 để lại đã hư, vợ chồng ông H đã sửa chữa lại toàn bộ căn nhà. Các đồng nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế phần đất diện tích 54.1m² theo pháp luật làm 06 kỷ phần, ông H, ông H2, ông L, bà T2 đồng ý. Tại phiên tòa các đồng nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia căn nhà. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các

đương sự chia di sản thừa kế phần đất 06 kỷ phần, giá trị phần đất các đương sự thống nhất 660.000.000 đồng mỗi kỷ phần 110.000.000 đồng. Riêng căn nhà giao cho ông H quản lý sử dụng và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế căn nhà theo pháp luật. Lờ trình bày của người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho ông H phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q với ông Nguyễn Văn H là tranh chấp “Di sản thừa kế” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc L1, ông Nguyễn Văn L, anh Nguyễn Hiền T2 (tư cách người giám hộ cho cháu Tr, cháu O) được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, bà L1, ông L, anh T2 có bản tự khai để Hội đồng xét xử xem xét và đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L1, ông L, anh T2.

[3] Tại phiên tòa anh Đỗ Văn C người đại diện cho ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Th, cụ Nguyễn Thị H5 là phần đất diện tích 54,1m² tọa lạc 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang làm 06 kỷ phần. Ông T1 nhận 01 kỷ phần, anh H1, chị T, chị Q nhận 01 kỷ phần (của ông H4 xin nhận bằng giá trị. Riêng căn nhà ông T1, anh H1, chị T, chị Q xin rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia căn nhà. Đồng ý để cho ông H thờ cúng cụ Th, cụ H5.

[4] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H đồng ý chia di sản thừa kế của cụ Lê Văn Th, cụ Nguyễn Thị H5 là phần đất diện tích 54,1m² tọa lạc 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang làm 06 kỷ phần, tính giá trị theo giá của Nhà nước, còn riêng căn nhà ông không đồng ý chia vì vợ chồng ông đã sửa chữa lại toàn bộ, khi sửa chữa có sự đồng ý của tất cả anh chị em. Trước đây vợ chồng ông có đưa cho ông H2 05 cây vàng 24k (lúc đó tương đương 60.000.000 đồng), nếu kỷ phần của ông H2 thấp hơn số vàng ông đã đưa cho ông H2, ông không yêu cầu ông H2 hoàn lại phần dư so với kỷ phần của ông H2. Ông xin căn nhà không chia để ông thờ cúng cha mẹ.

Ông H đại diện cho bà Nguyễn Thành T2, bà T2 đồng ý chia phần đất làm 06 kỷ phần, bà xin nhận kỷ phần của bà được chia, bà cho ông H. Căn nhà không chia để cho ông H thờ cúng cha mẹ.

Ông H đại diện cho anh Nguyễn Hiền T2, anh Nguyễn Hiền H3, chị N không có ý kiến gì.

[5] Tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H2 đồng ý chia phần đất diện tích 54,1m² làm 06 kỷ phần, ông đã nhận của vợ chồng H 05 lượng vàng 24k, coi như ông nhận kỷ phần của ông xong, nếu có dư kỷ phần của ông, ông cũng không hoàn trả cho vợ chồng ông H.

[6] Tại phiên tòa bà Lê Thị C xin không chia căn nhà để cho vợ chồng bà ở thờ cúng cha mẹ, số vàng vợ chồng bà đưa cho ông H2 trừ vào kỷ phần của ông H2, bà không yêu cầu ông H2 hoàn lại phần dư kỷ phần của ông H2.

Hội đồng xử xét yêu cầu của các đương sự:

- Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thành T2, ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q thống nhất cụ Lê Văn Th mất năm 1995, cụ Nguyễn Thị H5 mất năm 1996. Cụ Th, cụ H5 có 06 người con gồm ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thành T2, ông Nguyễn Quang T1, ông Nguyễn Văn H4 mất 1974, mất trước cụ Th cụ H5 có 03 người con anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q, vợ Nguyễn Ngọc L1.

Khi cụ Th, cụ H5 sinh thời có tạo lập được phần đất diện tích 54,1m² trên đất có căn nhà kiên cố tọa lạc số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang, cụ Th, cụ H5 mất không để lại di chúc, sau khi cụ Th, cụ H5 mất thì ông Nguyễn Văn H cùng vợ con sinh sống tại căn nhà, đất cho đến nay.

Xét thấy: Cụ Th mất năm 1995, cụ H5 mất năm 1996 tính đến thời điểm xét xử vụ án, thời hiệu chia di sản thừa kế của hai cụ còn trong luật định. Cụ Th, cụ H5 mất không để lại di chúc nên di sản của hai cụ được chia thừa kế theo pháp luật quy định tại Điều 649; điểm a khoản 1 Điều 650 Bộ luật dân sự, như vậy hàng thừa kế thứ nhất của cụ Th, cụ H5 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật dân sự gồm: bà Nguyễn Thành T2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Quang T1, ông Nguyễn Văn H.

Hàng thừa kế thế vị của cụ Th, cụ H5 quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự gồm có Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q (con ông Nguyễn Văn Hai mất 1974 trước cụ Th, cụ H) cháu nội cụ Th, cụ H5.

Các đương sự thống nhất cụ Th, cụ H5 qua đời không để lại di chúc, để lại di sản thừa kế gồm phần đất diện tích 54,1m² trên đất có căn nhà kiên cố tọa lạc số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, Tiền Giang do ông Nguyễn Văn H đứng tên là người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: H00694 ngày 01/7/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố M cấp cho ông Nguyễn Văn H.

Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa các đương sự thống nhất phần đất diện tích 54,1m² tọa lạc số 56, khu phố 6, đường G, phường B, TP M–Tiền Giang chia 06 kỷ phần và thống nhất giá trị di sản phần đất là 660.000.000 đồng, mỗi kỷ phần 110.000.000 đồng, giao cho ông H tiếp tục quản lý sử dụng ông H có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho mỗi kỷ phần 110.000.000 đồng, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Chia cho ông Nguyễn Quang T1 giá trị kỷ phần 110.000.000 đồng.
- Chia cho anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị T Q giá trị kỷ phần 110.000.000 đồng.
- Chia cho ông Nguyễn Văn H2 giá trị kỷ phần 110.000.000 đồng.
- Chia cho bà Nguyễn Thành T2 giá trị kỷ phần 110.000.000 đồng.
- Chia cho ông Nguyễn Văn L giá trị kỷ phần 110.000.000 đồng.
- Chia cho Nguyễn Văn H giá trị kỷ phần 110.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thành T2, ông Nguyễn Văn L xin nhận kỷ phần của ông, bà. Ông L, bà T2 cho ông H, ông H đồng ý nhận. Ông H, bà T2, ông L thống nhất ông H nhận di sản thì án phí ông H chịu, ông H đồng ý Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy ông Nguyễn Văn H hưởng 03 kỷ phần là 330.000.000 đồng (gồm kỷ phần của ông, kỷ phần của ông L, kỷ phần bà T2).

Ông Nguyễn Văn H2 thừa nhận đã nhận của ông H, bà C 05 lượng vàng 24K (tương đương 60.000.000 đồng), nay chia thừa kế di sản của cụ Th, cụ H5 ông xin nhận kỷ phần của ông, ông đã nhận 05 lượng vàng 24k (lúc đó tương đương 60.000.000 đồng), hiện nay là 175.000.000 đồng (50 chỉ x 3.500.000 đồng/chỉ = 175.000.000 đồng), kỷ phần của ông H2 là 110.000.000 đồng như vậy so với kỷ phần của ông H2 còn dư lại 65.000.000 đồng (175.000.000đ - 110.000.000đ), Ông H, bà C không yêu cầu ông H2 hoàn trả lại 65.000.000 đồng, sự thỏa thuận của ông H2, ông H, bà C là phù hợp quy định của pháp luật Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tại phiên tòa anh Đỗ Văn C người đại diện cho ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Th, cụ H5 về căn nhà vì căn nhà ông H đã sửa chữa lại toàn bộ. Hội đồng xét xử xét thấy ông T1, anh H1, chị T, chị Q xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia căn nhà là sự tự nguyện của các đương sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia căn nhà của các đồng nguyên đơn.

Ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thành T2, ông Nguyễn Quang T1, chị Nguyễn Thị Phương T, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Thảo Q thống nhất căn nhà 85,40m² ông H, bà C đã bỏ tiền sửa chữa lại toàn bộ căn nhà. Do đó các đương sự thống nhất giao cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục quản lý sử dụng sở hữu căn nhà diện tích 85,40m² cất trên phần đất diện tích 54,7m² tọa lạc số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M-Tiền Giang để thờ cúng cụ Th, cụ H5, sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về án phí DSST: Ông T1 phải chịu 5.500.000 đồng (110.000.000 đ x 5%). Chị T, anh H1, chị Q chịu 5.500.000 đồng (110.000.000 đ x 5%), ông H2 phải chịu 5.500.000đồng (110.000.000 đồng x 5%). Riêng ông H phải chịu 16.500.000 đồng (110.000.000đ x 3 phần x 5%). Riêng căn nhà các đương sự thống nhất ông H, bà C bỏ tiền ra sửa chữa lại toàn bộ căn nhà. Do đó căn nhà là tài sản của ông H, bà C nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí: Chi phí tố tụng khác: (định giá, thẩm định, đo đạc) Chị T, anh H1, chị Q đã tạm nộp chi phí định giá, thẩm định giá 5.000.000 đồng và chi phí đo đạc 2.000.000 đồng, ông H đã tạm nộp chi phí định giá tài sản lại 1.000.000 đồng. Tổng cộng ông H, chị T, anh H1, chị Q đã tạm nộp chi phí định giá, thẩm định giá, đo đạc là 8.000.000 đồng. Vậy 8.000.000 đồng : 6 phần = 1.333.333đồng. Ông H phải chịu 03 kỷ phần là 3.999.999 đồng, ông đã nộp 1.000.000 đồng, ông còn nộp tiếp 2.999.999 đồng; Ông H2 phải chịu 1.333.333 đồng; Ông T1 phải chịu 1.333.333 đồng; chị T, chị Q, anh T1 phải chịu 1.333.333 đồng, chị T, anh H1, chị Q đã nộp 7.000.000 đồng, chị T, anh H1, chị Q được hoàn lại 5.666.667 đồng (gồm phần ông H2 1.333.333đồng ; ông T1 1.333.333 đồng; ông H 2.999.999 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát không đề nghị gì.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị T Q không có đề nghị gì.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn H không có đề nghị gì.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 5 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự .

Áp dụng vào các Điều 609; Điều 611; Điều 613; Điều 616; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 Bộ luật dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q.

1/ Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn Th, cụ Nguyễn Thị H5 là phần đất diện tích 54,1m² tọa lạc tại số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M-Tiền Giang, 01 căn nhà bán kiên cố 85,40 m² nằm trên diện tích đất nêu trên ông H, bà C bỏ tiền sửa chữa lại toàn bộ.

- Giao cho ông Nguyễn Văn H tiếp tục quản lý sử dụng phần đất đo đạc thực tế diện tích 54,1m² tọa lạc số 56, khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang và sở hữu căn nhà cột bê tông, vách tường, mái tole, nền gạch men, gác lửng diện tích 85,40m² cất trên diện tích đất nói trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00694 ngày 01/7/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang cấp cho ông Nguyễn Văn H đứng tên là người đại diện cho những người thừa kế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất có tứ cận như sau:

Phía tây giáp đất Đường Giồng Dừa.

Phía nam giáp đất Nguyễn Thị Cần.

Phía bắc giáp đất Lý Văn Văn; Nguyễn Thị Sương.

Phía đông giáp Hẻm Cụt.

(Kèm theo sơ đồ đất)

Ông Nguyễn Văn H có quyền đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Nguyễn Quang T1 kỷ phần thừa kế 110.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ hoàn lại cho anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q kỷ phần thừa kế 110.000.000 đồng.

Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông các đồng nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn chậm thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương đương thời điểm thanh toán.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H2 đã nhận của ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị C 05 lượng vàng 24k tương đương kỷ phần thừa kế của ông, số tiền dư ông H, bà C không yêu cầu ông H2 hoàn trả.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn L, bà Nguyễn Thành T2 nhận kỷ phần thừa kế, nH2 ông L, bà T2 cho ông H hưởng.

2.1 Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q, ông Nguyễn Quang T1 yêu cầu chia căn nhà tọa lạc số 56 khu phố 6, đường G, phường B, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2.2 Anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị Thảo Q, ông Nguyễn Quang T1 có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3/ Về án phí:

3.1 Án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng và quản lý án phí, lệ phí của Tòa án

- Ông Nguyễn Quang T1 phải chịu 5.500.000 đồng, ông T1 đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 31337 ngày 16/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, ông T1 phải còn nộp tiếp 3.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị T Q, chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 5.500.000 đồng, anh H1, chị T, chị Q đã nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng theo biên lai thu tiền số 31338 ngày 16/01/2017 của Chi cục Thi hành án. Anh H1, chị T, chị Q còn phải nộp tiếp 3.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 16.500.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 5.500.000 đồng.

3.2 Án phí chi phí tố tụng khác: (Đo đạc, định giá, thẩm định)

- Ông Nguyễn Quang T1 phải chịu 1.333.333 đồng.

- Anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị T Q, chị Nguyễn Thị Phương T phải chịu 1.333.000 đồng, Chị T, anh H1, chị Q đã nộp 7.000.000 đồng. Hoàn lại chị T, anh T1, chị Q 5.666.667 đồng (ông T1 1.333.333 đồng; ông H 2.999.999 đồng, ông H2 1.333.333 đồng).

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu 3.999.999 đồng, ông H đã nộp 1.000.000 đồng, ông H phải nộp tiếp 2.999.999 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H2 phải chịu 1.333.333 đồng.

4/ Ông Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Hoàng H1, chị Nguyễn Thị Phương T, chị Nguyễn Thị T Q, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H2, bà Lê Thị C, bà Nguyễn Thành T2, anh Nguyễn Hiền T3, anh Nguyễn Hiền H3, chị Phan Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn L, cháu Nguyễn Phan Hoàng O, cháu Nguyễn Phan Ngọc Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án vào lúc 12 giờ cùng ngày 01/8/2017 có mặt ông H, anh C, bà C, ông Kh, luật sư L vắng mặt ông L, cháu O, cháu Tr.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN: CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Hoa

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**